TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 31/HNGĐ – ST
Ngày: 20/6/2023
V/v "Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Ngọc Loan
2. Ông Hoàng Minh Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước: Ông Cao Thanh Nam – kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023, về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23a/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm: 1976 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị A, sinh năm: 1977 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Trương Văn T trình bày: Ông T và bà Hoàng Thị A tự nguyện chung sống với nhau năm 1997, đến năm 2000 đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Lộc Ninh. Trước khi kết hôn tìm hiểu khoảng 12 tháng. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông T xin ly hôn với bà A.

Về con chung: Có hai người con tên Trương Văn L1, sinh năm 1998 và Trương Thị H, sinh năm 2000. Hiện các con đã trưởng thành có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Bị đơn bà Hoàng Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất về quan hệ hôn nhân như ông T trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T ngoại tình, lạnh nhạt với bà A. Nay bà A không đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Có hai người con tên Trương Văn L1, sinh năm 1998 và Trương Thị H, sinh năm 2000. Các con đã trưởng thành và sống riêng.

Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà A vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt theo quy định nên đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trương Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn T được ly hôn với bà Hoàng Thị A.

Về con chung: Các con tên Trương Văn L1, sinh năm 1998 và Trương Thị H, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Về án phí: Đương sự chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Trương Văn T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với bà Hoàng Thị A nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà A cư trú tại xã L, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà Hoàng Thị A vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt theo quy định. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trương Văn T và bà Hoàng Thị A tự nguyện chung sống với nhau năm 1997, đến năm 2000 đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Lộc Ninh, vì vậy hôn nhân giữa

ông T và bà A là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án bà A không đồng ý ly hôn với ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy thời gian chung sống giữa ông T và bà A phát sinh mâu thuẫn, theo ông T do bất đồng quan điểm. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Trong thời gian sống ly thân không hàn gắn tình cảm được; ông T xác định không còn tình cảm với bà A, không đồng ý trở lại sống chung nên vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Bà A cũng thừa nhận ông T ngoại tình, lạnh nhạt với bà A. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà A đã trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho ông T được ly hôn với bà A.

Về con chung: Con tên Trương Văn L1, sinh năm 1998 và Trương Thị H, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông T, bà A không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về nợ: Không có.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông T phải chịu số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn T được ly hôn với bà Hoàng Thị A.

2. Về con chung: Con tên Trương Văn L1, sinh năm 1998 và Trương Thị H, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không giải quyết việc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Ông T, bà A không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ: Không có.

5. Về án phí: Ông T chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Chi

cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0010306 ngày 01 tháng 3 năm 2023.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kiều Chinh

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKS huyện Lộc Ninh*
- *Các đương sự.*
- *UBND xã Lộc An*
- *THA DS huyện Lộc Ninh*
- *Lưu hồ sơ*